

# ITW Performance Polymers

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT MA310 ACTIVATOR

### PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm MA310 ACTIVATOR

Mã sản phẩm 31000, 31500, 310B1, IT406, IT406/BK, IT408

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Chất kích hoạt.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
customerservice.shannon@itwpp.com

#### Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

### PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy cơ về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy cơ về môi trường Không phân loại.

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.  
H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

## MA310 ACTIVATOR

<b>Biện pháp phòng ngừa</b>	P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc. P261 Tránh hít hơi/ bụi nước. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. P304+P340 NẾU HÍT PHẢI: Đưa người ra chỗ thoáng khí và dễ thở.
-----------------------------	--

**Bao gồm** METHYL METHACRYLATE

### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ...)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

#### Hỗn hợp chất

<b>METHYL METHACRYLATE</b>	<b>60-100%</b>
Số CAS: 80-62-6	
<b>Phân loại</b>	
Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	
<b>3,5-diethyl-1,2-dihydro-1-phenyl-2-propylpyridine</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 34562-31-7	
<b>Phân loại</b>	
Độc cấp tính loại 4 - H302	
Độc cấp tính loại 4 - H312	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

#### Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

<b>Thông tin chung</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hít hơi/ bụi nước. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Đường thở</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Nuốt phải</b>	Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

#### Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

## MA310 ACTIVATOR

**Thông tin chung** Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

### Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Các phương tiện chữa cháy thích hợp

**Các phương tiện chữa cháy thích hợp** Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

#### Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

**Những nguy hại cụ thể** Highly flammable Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan rộng trên mặt đất và di chuyển một đoạn xa đến một nguồn phát lửa và nổ lan đến điểm xuất phát. Dễ dàng polyme hóa cùng với việc sinh nhiệt.

#### Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

**Những hành động bảo vệ khi chữa cháy** Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### **PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**

#### Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

**Phòng ngừa đối với cá nhân** Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Avoid inhalation of spray mist and contact with skin and eyes. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

#### Các cảnh báo về môi trường

**Phòng ngừa về môi trường** Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

#### Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

**Các biện pháp vệ sinh** Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

#### Tham chiếu đến các phần khác

**Tham chiếu đến các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

### **PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản**

#### Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

## MA310 ACTIVATOR

**Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Take precautionary measures against static discharges. Các bể chứa và thùng chứa trong lưu trữ phải được nối với đất. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

### Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

**Phòng ngừa khi lưu trữ** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

### Mục đích sử dụng cuối cùng

**Mục đích sử dụng cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

### Các thông số kiểm soát

#### Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

#### METHYL METHACRYLATE

Giới hạn phơi nhiễm dài hạn (8-giờ TWA): 50 mg/m<sup>3</sup>

Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (15-phút): 150 mg/m<sup>3</sup>

**Chú thích về thành phần** WEL = Workplace Exposure Limits

### Kiểm soát phơi nhiễm

#### Thiết bị bảo hộ



**Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

#### **Bảo hộ mắt/mặt**

Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Trừ khi việc đánh giá cho thấy cần một mức độ bảo vệ cao hơn, nên đeo thiết bị bảo hộ sau đây: Kính bảo hộ bó sát. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

#### **Bảo hộ tay**

Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

#### **Biện pháp vệ sinh cá nhân**

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

#### **Bảo vệ đường hô hấp**

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

## PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

## MA310 ACTIVATOR

### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

<b>Bề ngoài</b>	Bột nhão.
<b>Màu sắc</b>	Vàng. hoặc Đen.
<b>Mùi đặc trưng</b>	Mùi gắt nhẹ.
<b>Độ pH</b>	pH (dung dịch pha loãng): 4.5-5.5 5%
<b>Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi</b>	101°C @
<b>Điểm cháy</b>	10°C
<b>Tỷ lệ hóa hơi</b>	3 (butyl acetate =1)
<b>Giới hạn cháy, nổ trên/dưới</b>	Giới hạn cháy/nổ dưới: 2.1 Giới hạn cháy/nổ trên: 12.5
<b>Áp suất hóa hơi</b>	28mmHg @ °C
<b>Tỷ trọng hơi</b>	3.5
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	0.96 @ 20 °C°C
<b>Độ nhớt</b>	40,000 -60,000 cP @ 25°C

### Thông tin khác

Thông tin khác Không có.

### **PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất**

<b>Khả năng phản ứng</b>	Các chất liệu sau có thể phản ứng với sản phẩm này: Chất oxy hóa mạnh.
<b>Tính ổn định</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị. Có thể polyme hóa.
<b>Khả năng phản ứng nguy hiểm</b>	Không có. Có thể polyme hóa.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Gia nhiệt có thể sinh ra hơi dễ cháy. Hơi này có thể tạo hỗn hợp nổ với không khí. Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa.
<b>Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy</b>	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Xyanua.

### **PHẦN 11: Thông tin về độc tính**

#### Thông tin về tác động của độc tính

##### Độc cấp tính - qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 50.000,0

##### Độc cấp tính - qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 110.000,0

## MA310 ACTIVATOR

<b>Đường thở</b>	Hơi ở nồng độ cao có tác dụng gây mê. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Mệt mỏi. Chóng mặt. Buồn nôn, nôn mửa. Hơi ở nồng độ cao có tác dụng gây mê. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Mệt mỏi. Chóng mặt. Ức chế hệ thần kinh trung ương.
<b>Tiêu hóa</b>	Gây kích ứng. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Buồn nôn, nôn mửa. Đau dạ dày.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Có thể được hấp thụ qua da. Gây kích ứng da. Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây kích ứng trầm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc.
<b>Cơ quan cụ thể</b>	Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây ra những tác hại sau: Có thể gây hủy hoại gan và thận. Hệ hô hấp, phổi Hệ thần kinh trung ương

### Thông tin về độc tính của các thành phần

#### METHYL METHACRYLATE

##### Tác nhân gây ung thư

**Tác nhân gây ung thư theo IARC** Nhóm 3 Không thể phân loại dựa vào đặc tính gây ung thư của nó đối với con người.

#### **PHẦN 12: Thông tin về sinh thái**

<b>Độc tính môi sinh</b>	Avoid release to the environment.
<b>Độc tính</b>	Không được cho là gây độc cho cá.
<b><u>Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy</u></b>	
<b>Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy</b>	Methyl methacrylate monomer : Biochemical oxygen demand within 5 days (BOD5) = .14 g/g - 0.9 g/g.
<b><u>Khả năng tích lũy sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Độ linh động trong đất</u></b>	
<b>Độ linh động</b>	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<b><u>Các tác hại khác</u></b>	
<b>Các tác hại khác</b>	Không có.

#### **PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ**

##### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	08 04 09

#### **PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển**

##### SỐ UN

**MA310 ACTIVATOR**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1133

Số UN (IMDG) 1133

Số UN (ICAO) 1133

**Tên phương tiện vận chuyển đường biển**

Tên phương tiện vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ADHESIVES

Tên phương tiện vận chuyển (IMDG) ADHESIVES

Tên phương tiện vận chuyển (ICAO) ADHESIVES

**Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển**

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt F1

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển

**Quy cách đóng gói (nếu có)**

Quy cách đóng gói Đường bộ/Đường sắt II

Quy cách đóng gói IMDG II

Quy cách đóng gói ICAO II

**Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)**

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

**Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.**

EmS F-E, S-D

Số nhận dạng nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 33

**PHẦN 15: Thông tin về pháp luật****PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Ngày sửa đổi 09/02/2021

Sửa đổi 13

Ngày thay thế 23/11/2018

## MA310 ACTIVATOR

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**

- H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
- H302 Có hại nếu nuốt phải.
- H312 Có hại khi tiếp xúc với da.
- H315 Gây kích ứng da.
- H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
- H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.